

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG PHÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-8-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Thái Ngọc**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Thạch Hoàng Tha.**

Ông **Nguyễn Thanh Rực.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Huỳnh Gia Mẫn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Hồng Thủy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:*

Vào năm 2011, ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị P quen biết và kết hôn. Vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị P có tiền hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Tuy nhiên hiện nay đã thất lạc không trích lục gặp được nên ông Trần Thanh T không có thông tin để ghi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị P có 02 người con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 20/7/2011 và Trần Gia T1, sinh ngày 04/10/2013. Quá trình chung sống

vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm và bà Nguyễn Thị P thường xuyên bỏ ông Trần Thanh T và bỏ con đi một thời gian rồi trở về. Sau đó thời gian gần đây nhất khoảng tháng 3 năm 2024, bà Nguyễn Thị P đã bỏ ông Trần Thanh T và con đi nữa. Ông Trần Thanh T không biết đi đâu và đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị P không có tài sản chung và không có nợ chung.

Nay Ông Trần Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.
- Về con chung: Ông Trần Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 20/7/2011 và Trần Gia T1, sinh ngày 04/10/2013 đến khi thành niên và không yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải cấp dưỡng cho con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông Trần Thanh T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- + Căn cước công dân tên Trần Thanh T (Photo đôi chiếu);
- + Giấy khai sinh con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 20/7/2011 và Trần Gia T1, sinh ngày 04/10/2013 (Bản sao);
- + Trích lục đăng ký kết hôn;

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Thanh T thay đổi nội dung đã trình bày về đăng ký kết hôn ông và bà Nguyễn Thị P đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Hậu Giang vào ngày 18/02/2016 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho bà Nguyễn Thị P. Nhưng bà Nguyễn Thị P thường xuyên không có mặt tại nhà và không có người nhận thay văn bản tố tụng. Tòa án cũng tiến hành xác minh và xác định được bà Nguyễn Thị P vẫn còn cư trú tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị P không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ chồng, con trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay,

\* Nguyên đơn ông Trần Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà Nguyễn Thị P. Ông Trần Thanh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 20/7/2011 và Trần Gia T1, sinh ngày 04/10/2013 đến khi thành niên và không yêu cầu bà Nguyễn Thị P cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thanh T đối với bà Nguyễn Thị P. Giao con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 20/7/2011 và Trần Gia T1, sinh ngày 04/10/2013 cho ông Trần Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; Bà Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Trần Thanh T không yêu cầu. Bà Nguyễn Thị P được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Đối với tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 02/5/2024, ông Trần Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị P có nơi cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị P.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Thanh T về việc ly hôn. Vào năm 2011, ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị P có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 18/02/2016.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh T cùng bà Nguyễn Thị P kết hôn

hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 18/02/2016. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị P là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của ông Trần Thanh T: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị P chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Bà Nguyễn Thị P không còn quan tâm đến nhau đến ông và hai người con. Bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nữa. Hội đồng xét xử xét thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị P không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Ông Trần Thanh T đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu nên tình cảm không còn. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị P hàn gắn tình cảm, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị P đều vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T cho ông Trần Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

[3.3] Về con chung: Ông Trần Thanh T xác định thời gian chung sống, vợ chồng ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị P có hai người con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 20/7/2011 và Trần Gia T1, sinh ngày 04/10/2013. Xét về yêu cầu này, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P đều vắng mặt và không có ý kiến gì với yêu cầu nuôi con chung của ông Trần Thanh T đưa ra. Bên cạnh đó cháu Trần Gia H và Trần Gia T1 cũng đưa ra nguyện vọng được ở với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 20/7/2011 và Trần Gia T1, sinh ngày 04/10/2013 cho ông Trần Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và bà Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng cho con. Bên cạnh đó, bà Nguyễn Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Ông Trần Thanh T xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Trần Thanh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 20/7/2011 và Trần Gia T1, sinh ngày 04/10/2013 cho ông Trần Thanh T nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng cho con. Bà Nguyễn Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Ông Trần Thanh T xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Ông Trần Thanh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003398, ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Ông Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và bà Nguyễn Thị P có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện M, Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thái Ngọc**